

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-PT
Ngày: 27- 4 -2022
"V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng, hợp đồng thế chấp"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng, ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp; do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐXX-PT ngày 07 tháng 3 năm 2022 và các quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ trụ sở: Số 35 Hàng V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Khắc H1 - Giám đốc B chi nhánh Hải Dương. Người được ông Đỗ Khắc H1 ủy quyền lại: Ông Lã Huy V1 - Phó giám đốc B chi nhánh Hải Dương; ông Phạm Văn Th - Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp 2 B chi nhánh Hải Dương; ông Bùi Thanh H - Kiểm soát viên Phòng Khách hàng doanh nghiệp 2 B chi nhánh Hải Dương; ông Bùi Quang Tr- Chuyên viên phòng Khách hàng doanh nghiệp 2 B chi nhánh Hải Dương; có mặt ông Phạm Văn Th và ông Bùi Quang Tr.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Như H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 417 BM, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn M, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Hồng H2, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 10/69 Đặng Văn N, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn M: Luật sư Dương Minh D thuộc Công ty luật TNHH một thành viên A, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Số nhà 56, Ngõ 58, phố Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Đại diện của nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Như H và B Chi nhánh Hải Dương có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NNH ngày 25/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 với nội dung cơ bản như sau: B cho anh H vay số tiền 1.000.000.000 đồng để thanh toán tiền mua nhà ở; thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên; lãi vay trong hạn là 13.5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Ngày 25/12/2012, B đã giải ngân cho anh H số tiền vay 1.000.000.000 đồng theo thỏa thuận. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh H với B, vợ chồng ông Phạm Văn M và bà Lê Thị Hồng H2 đã thế chấp cho B tài sản gồm: Quyền sử dụng 22,2m² đất ở thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số B-1-II-B-c và ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên đất tại địa chỉ: Số 40 TH (nay là số 54 TH), phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/269820) ngày 30/11/2011. Khoản nợ của anh H đã quá hạn thanh toán và B nhiều lần đôn đốc nhưng anh H vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H phải thanh toán cho B số tiền nợ tính đến ngày 28/02/2021 là 1.539.872.823 đồng (gồm tiền nợ gốc 885.000.000 đồng; tiền nợ lãi 654.872.823 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/3/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp anh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì B được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[2]. Bị đơn Nguyễn Như H thừa nhận quan hệ hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp như đã nêu trên, thừa nhận nghĩa vụ trả nợ đối với B. Anh H xác định không có khả năng để thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NNH ngày 25/12/2012 và mong muốn Ngân hàng thực hiện theo các điều khoản thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Anh H đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn M trình bày: Vì Công ty TNHH MTV Tháp UBI do ông M làm Tổng giám đốc có vay vốn của

B nhưng không kịp thời trả lãi nên vợ chồng ông đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Như H và khoản tiền vay của anh H được B đối trừ vào các khoản tiền lãi của Công ty TNHH MTV Thấp UBI. Ông M xác định vợ chồng ông có ký hợp đồng thế chấp với B. Nếu bên vay không trả được nợ thì ông sẽ trả nợ thay bằng tiền mặt. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án nhiều lần triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Hồng H2 nhưng bà H2 vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 01/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương quyết định xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho B tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 01/12/2021 là 1.592.592.273 đồng, bao gồm: Nợ gốc 885.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 694.396.138 đồng; nợ lãi quá hạn 13.196.135 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NNH ngày 25/12/2012. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, B có đơn yêu cầu thi hành án mà anh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì B có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng 22,2m² đất ở thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số B-1-II-B-c và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp ba, 02 tầng xây dựng trên đất; địa chỉ nhà đất: Số 40 Tuy Hòa (nay là số 54 Tuy Hòa), phường Trần Phú, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; giấy tờ về tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y965630, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 00025QSDĐ/H-2004 do UBND thành phố Hải Dương cấp ngày 05/3/2004 đứng tên ông M, bà H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/269820) ngày 30/11/2011. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải trả cho B thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bên thế chấp. Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho B thì anh Nguyễn Như H phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho B. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Ngày 21/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung bản án sơ thẩm không đúng sự thật khách quan.

Ngày 08/4/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng H2 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M giao nộp Đơn xin rút kháng cáo của bà H2 và trình bày lý do ông M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm: (1) Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án không đúng thẩm quyền; (2) Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H2, cụ thể là không niêm yết tại nơi cư trú của bà H2; (3) việc ông H ký hợp đồng vay tiền của B là để B khấu trừ lãi cho Công ty TNHH UBI của ông M chứ không có việc vay tiền thật sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu B cung cấp chứng từ đã chuyển khoản cho anh Nguyễn Thế Ph theo giấy đề nghị rút tiền của anh H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng

[1.1]. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng H2 đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Kháng cáo của ông M trong thời hạn quy định nên được chấp nhận xem xét. Ngày 08/4/2022 bà H2 kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương là quá hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận được đơn xin rút kháng cáo của bà H2. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đơn kháng cáo của bà H2.

[1.3]. Tại Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 01/2012/QĐ-NNH ngày 25/12/2012 giữa anh Nguyễn Như H và B có thỏa thuận Tòa án nơi B Hải Dương đặt trụ sở có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Nội dung thỏa thuận của các bên là không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên là thỏa thuận hợp pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý và giải quyết tranh chấp là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của ông M về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

[1.4]. Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tại văn bản ghi ngày 26/11/2021 gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm, ông M trình bày vợ chồng ông đang cư trú tại ngõ 69 Đặng Văn Ng, Tổ 76, phường Tr, quận Đ, thành phố Hà Nội là nơi có F0 Covid-19 và được chỉ dẫn cách ly F1 tại nhà có thời hạn nên không thể tham dự phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu nhưng ông M, bà H2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc ông M, bà H2 bị áp dụng biện pháp cách ly tại nhà. Mặt khác tại công văn số 4095/UBND-KGVX ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội quy định Ban Chỉ đạo phòng chống

dịch xã, phường, thị trấn phải ban hành Quyết định cách ly y tế tại nhà đối với các trường hợp (F1) và không thực hiện cách ly y tế tại nhà cho đối tượng tiếp xúc gần (F1) tại quận Đ. Theo công văn số 403/UBND ngày 29/11/2021, UBND phường Tr đã tiến hành rà soát và xác định tại thời điểm rà soát những người trong diện cách ly y tế trên địa bàn không có ông M, bà H2. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NNH ngày 25/12/2012, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng 01/269820) ngày 30/11/2011 đều được giao kết trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia có đầy đủ năng lực chủ thể, nội dung và mục đích của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, nên các hợp đồng nêu trên là các hợp đồng hợp pháp.

[2.2]. Bên vay của hợp đồng tín dụng là anh Nguyễn Như H. Tại Bảng kê rút vốn ngày 25/12/2012 (BL59) thể hiện anh H ký xác nhận rút vốn vay; phương thức giải ngân theo thỏa thuận giữa anh H và B là chuyển khoản cho người thứ ba theo ủy nhiệm của anh H và tại các văn bản gửi cho Tòa án, anh H thừa nhận việc vay tiền tại B. Việc tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu B cung cấp chứng từ chuyển khoản cho người thứ ba theo đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông M tại phiên tòa phúc thẩm là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đại diện B xác định khoản vay của anh H không liên quan đến Công ty TNHH MTV Tháp UBI. Do vậy, ông M và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông M trình bày khoản tiền vay 1.000.000.000 đồng anh H theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NNH ngày 25/12/2012 được đối trừ vào tiền nợ lãi của Công ty TNHH MTV Tháp UBI với B là không có cơ sở. Thời hạn vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NNH ngày 25/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013 đã kết thúc nhưng anh H chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán; B không cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản vay của anh H. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của B buộc anh H phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ ngày 01/7/2018 (ngày toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại được chuyển sang nợ quá hạn) đến ngày xét xử sơ thẩm 01/12/2021 là phù hợp. Anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 02/12/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

[2.3]. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/269820) ngày 30/11/2011, ông M và bà H2 đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của anh H với B gồm: Quyền sử

dụng 22,2m² đất ở thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số B-1-II-B-c và ngôi nhà cấp ba, 02 tầng xây dựng trên đất; địa chỉ nhà đất: Số 40 TH (nay là số 54 TH), phường Tr, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Tại khoản 2 Điều 1 của hợp đồng thế chấp, các bên thỏa thuận: “Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp được mô tả tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh đã và sẽ ký giữa Ngân hàng với Bên vay”. Đại diện B xác định ngoài khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD-NNH ngày 25/12/2012 thì hiện anh H không có khoản vay nào khác tại B và tài sản thế chấp chưa được xử lý. Vì vậy nếu anh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì B có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ. Nếu giá trị tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải thanh toán thì phần chênh lệch được trả cho người thế chấp. Nếu giá trị tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì anh H phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho B.

[3]. Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông M, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Ông Phạm Văn M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 275, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Phạm Văn M. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Buộc ông Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0001739 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

Trần Hữu Hiệu